

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT Á

MỤC LỤC

---oOo---

	Trang
1- BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 3
2- BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
3- BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 9
4- BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	10
5- BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	11 - 13
6- THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	14 - 54

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

1. Thông tin chung về Ngân hàng:

Thành lập:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á ("Ngân hàng") được thành lập và đăng ký hoạt động tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được chuyển đổi trên cơ sở hợp nhất giữa Công ty Tài chính Cổ phần Sài Gòn và Ngân hàng Thương mại cổ phần Nông thôn Đà Nẵng theo Quyết định số 440/QĐ-NHNN ngày 9 tháng 5 năm 2003 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNNVN"). Ngân hàng hoạt động theo Giấy phép hoạt động số 12/NH-GP ngày 9 tháng 5 năm 2003 do NHNNVN cấp, Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0302963695 ngày 19 tháng 6 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và giấy chứng nhận điều chỉnh gần nhất lần thứ 24 ngày 10 tháng 3 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Giấy phép hoạt động của Ngân hàng có giá trị 99 năm kể từ ngày cấp.

Hoạt động chính của Ngân Hàng:

- Huy động vốn ngắn, trung và dài hạn dưới các hình thức tiền gửi không kỳ hạn, có kỳ hạn, kỳ phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá theo sự chấp thuận của NHNNVN;
- Nhận các nguồn vốn ủy thác đầu tư;
- Nhận vốn từ các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước;
- Cho vay ngắn, trung và dài hạn các tổ chức kinh tế và cá nhân;
- Chiết khấu các hối phiếu thương mại, trái phiếu và các giấy tờ có giá;
- Góp vốn mua cổ phần theo tỷ lệ cho phép và tham gia liên doanh;
- Cung cấp các dịch vụ thanh toán cho khách hàng;
- Thực hiện trao đổi kinh doanh ngoại tệ và vàng;
- Thực hiện thanh toán quốc tế; và
- Các dịch vụ ngân hàng khác được NHNNVN cho phép.

Tên viết tắt: VIETABANK

Trụ sở chính: 34A-34B Hàn Thuyên, Phường Phạm Đình Hồ, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Ngân hàng được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

3. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông PHƯƠNG HỮU VIỆT	Chủ tịch
Ông PHAN VĂN TỐI	Phó Chủ tịch
Bà PHƯƠNG THANH NHUNG	Phó Chủ tịch
Ông NGÔ TẤN DŨNG	Phó Chủ tịch
Ông LÊ ĐẮC CÙ	Thành viên
Ông NGUYỄN XUÂN LUẬT	Thành viên (đến ngày 26/4/2016)

Ban Kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Bà NGUYỄN KIM PHƯỢNG	Trưởng ban
Bà NGUYỄN THỊ HOAN	Thành viên
Ông PHƯƠNG MINH TUẤN	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Bà PHƯƠNG THANH NHUNG	Tổng Giám Đốc (đến ngày 06/5/2016)
Ông LÊ XUÂN VŨ	Tổng Giám đốc (từ ngày 28/11/2016 đến ngày 20/3/2017)
Ông NGUYỄN VĂN HẢO	Quyền Tổng Giám đốc (từ ngày 21/3/2017)
	Phó Tổng Giám đốc thường trực (từ ngày 10/10/2015)
	Phó Tổng Giám đốc điều hành (từ ngày 06/5/2016)
Ông PHẠM LINH	Phó Tổng Giám đốc
Bà NGUYỄN THỊ THU HẠNH	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 8/3/2016)
Ông LÃ QUANG TRUNG	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng

Người đại diện theo pháp luật trong năm và đến ngày lập báo cáo này là Ông PHƯƠNG HỮU VIỆT

4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp.HCM (AISC) được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

5. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Các báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Ngân hàng với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Ngân hàng và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Báo cáo tài chính của Ngân hàng được lập phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành.

Tp. Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2017

TM Ban Tổng Giám đốc



NGUYỄN VĂN HẢO

Quyền Tổng Giám đốc



Số: 1216572/AISC-DN6

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á ("Ngân hàng"), được lập ngày 20 tháng 4 năm 2017, từ trang 06 đến trang 54, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Ngân hàng theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Ngân hàng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Ngân hàng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán của Ngân hàng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến trên, chúng tôi chỉ muốn lưu ý người đọc Thuyết minh Báo cáo tài chính số V.11.3. Theo đó, tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2016, trong tổng số lãi phải thu từ cho vay khách hàng có khoản lãi phải thu từ ba khách hàng vay đã được NHNN Việt Nam phê duyệt lộ trình xử lý đến ngày 31 tháng 12 năm 2017. Do đó, Ngân hàng đã không thực hiện hạch toán các khoản lãi phải thu này theo chính sách kế toán được trình bày ở Thuyết minh IV.2 - "Kế toán thu nhập lãi, chi phí lãi và ngừng dự thu lãi".

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Việt Á cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần có đoạn nhấn mạnh đối với báo cáo tài chính này tại ngày 25 tháng 4 năm 2016.

KIỂM TOÁN VIÊN



PHẠM THỊ THANH MAI

Số GCNĐKHNKT: 1044-2013-05-1

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

Tp. HCM, ngày 20 tháng 4 năm 2017



PHẠM THỊ HỒNG UYÊN

Số GCNĐKHNKT: 0794-2013-05-1

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN			
I. Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	V.01	394.046.806.149	334.550.243.535
II. Tiền gửi tại ngân hàng nhà nước	V.02	250.032.797.911	506.560.690.117
III. Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	V.03	10.190.226.386.090	4.579.602.212.211
1. Tiền gửi tại các TCTD khác		9.902.159.386.090	4.295.032.212.211
2. Cho vay các TCTD khác		288.067.000.000	284.570.000.000
3. Dự phòng rủi ro		-	-
IV. Chứng khoán kinh doanh	V.04	1.368.722.198.188	104.235.636.547
1. Chứng khoán kinh doanh		1.370.884.561.726	107.527.745.273
2. Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		(2.162.363.538)	(3.292.108.726)
V. Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		-	-
VI. Cho vay khách hàng		30.005.618.863.723	20.039.701.178.538
1. Cho vay khách hàng	V.5.1	30.415.689.594.862	20.267.711.996.409
2. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	V.5.2	(410.070.731.139)	(228.010.817.871)
VII. Hoạt động mua nợ	V.06	2.950.946.560	38.991.877.497
1. Mua nợ		2.950.946.560	38.991.877.497
2. Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ		-	-
VIII. Chứng khoán đầu tư	V.07	13.817.018.012.990	11.056.464.135.287
1. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		11.337.818.757.754	8.652.036.555.139
2. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		2.904.722.289.224	2.699.949.989.750
3. Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		(425.523.033.988)	(295.522.409.602)
IX. Góp vốn, đầu tư dài hạn	V.08	747.433.630.000	815.653.224.400
1. Đầu tư vào công ty con		500.000.000.000	500.000.000.000
2. Vốn góp liên doanh		-	-
3. Đầu tư vào công ty liên kết		-	-
4. Đầu tư dài hạn khác		247.433.630.000	315.653.224.400
5. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
X. Tài sản cố định		244.343.268.162	278.541.673.262
1. Tài sản cố định hữu hình	V.9	117.966.525.639	134.527.052.394
a. Nguyên giá TSCĐ		287.239.792.343	283.592.467.522
b. Hao mòn TSCĐ		(169.273.266.704)	(149.065.415.128)
2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
a. Nguyên giá TSCĐ		-	-
b. Hao mòn TSCĐ		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	V.10	126.376.742.523	144.014.620.868
a. Nguyên giá TSCĐ		212.218.049.940	223.542.356.340
b. Hao mòn TSCĐ		(85.841.307.417)	(79.527.735.472)
XI. Bất động sản đầu tư		-	-
a. Nguyên giá bất động sản đầu tư		-	-
b. Hao mòn bất động sản đầu tư		-	-
XII. Tài sản Có khác	V.11	4.438.827.109.211	4.117.488.926.166
1. Các khoản phải thu		1.507.179.890.490	810.214.311.637
2. Các khoản lãi, phí phải thu		2.729.903.747.867	2.933.372.361.055
3. Tài sản thuế TNDN hoãn lại		-	-
4. Tài sản Có khác		201.743.470.854	373.902.253.474
- Trong đó: Lợi thế thương mại		-	-
5. Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác		-	-
TỔNG TÀI SẢN CÓ		61.459.220.018.984	41.871.789.797.560

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
B. NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
I. Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước		-	-
II. Tiền gửi và vay các TCTD khác	V.12	23.827.278.940.897	12.865.360.797.326
1. Tiền gửi của các TCTD khác		12.619.005.257.542	5.010.920.378.989
2. Vay các TCTD khác		11.208.273.683.355	7.854.440.418.337
III. Tiền gửi của khách hàng	V.13	32.201.591.433.064	24.466.296.338.118
IV. Các công cụ tài chính phải sinh và các khoản nợ tài chính khác		-	-
V. Vốn tài trợ, Ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	V.14	43.473.180.000	26.134.500.000
VI. Phát hành giấy tờ có giá	V.15	675.349.403.443	8.477.026.500
VII. Các khoản nợ khác	V.16	705.839.140.400	596.218.240.525
1. Các khoản lãi, phí phải trả		653.149.679.227	508.888.150.992
2. Thuế TNDN hoãn lại phải trả		-	-
3. Các khoản phải trả và công nợ khác		52.689.461.173	87.330.089.533
4. Dự phòng rủi ro khác (Dự phòng cho công nợ tiềm ẩn)		-	-
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		57.453.532.097.804	37.962.486.902.469

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
VIII. Vốn chủ sở hữu	V.17	4.005.687.921.180	3.909.302.895.091
1. Vốn của TCTD		3.500.102.398.945	3.500.102.398.945
a. Vốn điều lệ		3.499.990.470.000	3.499.990.470.000
b. Vốn đầu tư XDCCB, mua sắm tài sản cố định		-	-
c. Thặng dư vốn cổ phần		98.600.000	98.600.000
d. Cổ phiếu quỹ		-	0
e. Cổ phiếu ưu đãi		-	0
f. Vốn khác		13.328.945	13.328.945
2. Quỹ của TCTD		152.864.225.542	138.206.028.974
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
5. Lợi nhuận chưa phân phối/Lỗ lũy kế		352.721.296.693	270.994.467.172
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		61.459.220.018.984	41.871.789.797.560

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
1. Bảo lãnh vay vốn		-	-
2. Cam kết giao dịch hối đoái		1.396.017.000.000	470.635.000.000
2.1 Cam kết mua ngoại tệ		731.247.000.000	470.635.000.000
2.2 Cam kết bán ngoại tệ		664.770.000.000	-
2.3 Cam kết giao dịch hoán đổi		-	-
2.4 Cam kết giao dịch tương lai		-	-
3. Cam-kết cho vay không hủy ngang		-	-
4. Cam kết trong nghiệp vụ L/C		102.043.867.730	23.095.745.509
5. Bảo lãnh khác		454.761.755.695	55.545.694.032
6. Các cam kết khác		-	-

Người lập biểu



NGUYỄN HỮU CƯỜNG

Kế toán trưởng



LÊ QUANG TRUNG

Tp. Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2017

Quyền Tổng Giám đốc




NGUYỄN VĂN HẢO

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
1. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	VI.18	3.253.244.261.735	2.798.658.850.772
2. Chi phí lãi và các chi phí tương tự	VI.19	2.307.767.961.428	1.768.914.996.189
I. Thu nhập lãi thuần		945.476.300.307	1.029.743.854.583
3. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		9.727.670.436	9.295.465.108
4. Chi phí hoạt động dịch vụ		19.051.992.673	17.863.569.478
II. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	VI.20	(9.324.322.237)	(8.568.104.370)
III. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	VI.21	(68.955.621.559)	(264.140.599.708)
IV. Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	VI.22	119.945.669.959	5.901.023.594
V. Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	VI.23	(87.366.739.860)	29.908.336.738
5. Thu nhập từ hoạt động khác		63.166.010.006	135.223.072.593
6. Chi phí hoạt động khác		29.252.115.658	146.948.304.227
VI. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác	VI.24	33.913.894.348	(11.725.231.634)
VII. Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	VI.25	10.366.653.680	62.605.819.438
VIII. Chi phí hoạt động	VI.26	477.055.086.207	429.604.127.723
IX. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		467.000.748.431	414.120.970.918
X.1 Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	VI.27	362.676.091.145	321.116.648.613
XI. Tổng lợi nhuận trước thuế		104.324.657.286	93.004.322.305
7. Chi phí thuế TNDN hiện hành		6.603.346.832	17.294.606.999
8. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
XII. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp	VI.28	6.603.346.832	17.294.606.999
XIII. Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp		97.721.310.454	75.709.715.306

Tp. Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Quyền Tổng Giám đốc



NGUYỄN HỮU CƯỜNG



LÊ QUANG TRUNG



NGUYỄN VĂN HẢO

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		3.456.712.874.923	2.041.637.745.455
02. Chi phí lãi và các khoản thu nhập tương tự đã trả		(2.165.939.537.288)	(1.617.929.508.532)
03. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		(9.324.322.237)	(19.133.054.525)
04. Chênh lệch số tiền thực thu/ thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)		(36.376.691.460)	(13.141.219.126)
05. Thu nhập khác		(146.702.283.529)	(88.826.748.390)
06. Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý hoá, bù đắp bằng nguồn rủi ro		-	-
07. Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(447.000.958.534)	(410.580.998.973)
08. Tiền thuế thu nhập thực nộp trong kỳ		(17.321.388.319)	(9.378.670.801)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động</i>		634.047.693.556	(117.352.454.892)
Những thay đổi về tài sản hoạt động			
09. (Tăng)/Giảm các khoản tiền và cho vay các TCTD khác		(3.497.000.000)	(284.570.000.000)
10. (Tăng)/Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán		(4.025.040.439.344)	140.061.912.688
11. (Tăng)/Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		-	-
12. (Tăng)/Giảm các khoản cho vay khách hàng		(10.111.936.667.516)	(4.484.733.311.177)
13. Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản		(50.672.666.235)	(88.683.850.352)
14. (Tăng)/Giảm khác về tài sản hoạt động		(608.777.216.803)	649.942.815.382

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
<i>Những thay đổi về công nợ hoạt động</i>			
15. Tăng/(Giảm) các khoản nợ chính phủ và NHNN		-	(109.436.812.290)
16. Tăng/(Giảm) các khoản tiền gửi và vay các TCTD		10.961.918.143.571	1.228.859.545.798
17. Tăng/(Giảm) tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả Kho bạc Nhà nước)		7.735.295.094.946	4.668.826.731.382
18. Tăng/(Giảm) phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ GTCG được tính vào hoạt động tài chính)		666.872.376.943	8.477.026.500
19. Tăng/(Giảm) vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro		17.338.680.000	13.703.250.000
20. Tăng/(Giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		-	13.551.626.304
21. Tăng/(Giảm) khác về công nợ hoạt động		80.654.033.044	(8.393.356.062)
22. Chi từ các quỹ của tổ chức tín dụng		(1.336.284.365)	-
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		5.294.865.747.797	1.630.253.123.281
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01. Mua sắm TSCĐ		(18.120.002.500)	(72.860.041.404)
02. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		54.763.850.910	133.518.761.201
03. Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		-	-
04. Mua sắm bất động sản đầu tư		-	-
05. Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
06. Tiền chi ra do bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
07. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		-	(55.275.000.000)
08. Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		68.219.594.400	81.089.183.138
09. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		10.366.653.680	62.605.819.438
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		115.230.096.490	149.078.722.373

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
01. Tăng vốn cổ phần từ góp vốn và/hoặc phát hành cổ phiếu		-	231.300.200.000
02. Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		-	-
03. Tiền chi thanh toán giấy tờ có giá dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		-	-
04. Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia		-	(69.310.750)
05. Tiền chi ra mua cổ phiếu quỹ		-	-
06. Tiền thu được do bán cổ phiếu quỹ		-	-
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		-	231.230.889.250
IV. Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		5.410.095.844.287	2.010.562.734.904
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		5.136.143.145.863	3.125.580.410.959
VI. Điều chỉnh của ảnh hưởng thay đổi tỷ giá		-	-
VII. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	VII.29	10.546.238.990.150	5.136.143.145.863

Người lập biểu



NGUYỄN HỮU CƯỜNG

Kế toán trưởng



LÊ QUANG TRUNG

Tp. Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2017

Quyền Tổng Giám đốc



NGUYỄN VĂN HẢO